

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Giáo dục; Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ HỒNG CHUYÊN

2. Ngày tháng năm sinh: 10/12/1981 ; Nam ; Nữ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Phú Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Tiểu học - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Số 20, đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại di động: 0968.319.333; E-mail: chuyennh@tnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 11/2005 đến tháng 1/2008: Giảng viên tạo nguồn, Khoa Đào tạo Giáo viên tiểu học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

- Từ tháng 2/2008 đến tháng 1/2009: Giảng viên tập sự, Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

- Từ tháng 02/2009 đến tháng 1/2020: Giảng viên, Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

- Từ tháng 02/2020 đến nay: Giảng viên chính, Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Chức vụ: Hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ tịch Công đoàn Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: Số 20, đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại cơ quan: 0208.3859.431

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: Không

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 7 năm 2004; số hiệu bằng: B600893; ngành: Giáo dục Tiểu học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 6 năm 2011; số hiệu: 0007822; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 3 năm 2009; số bằng: 5620; ngành: Giáo dục học; chuyên ngành: Giáo dục tiểu học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 10 tháng 11 năm 2016; số hiệu: 006052; ngành: Khoa học Giáo dục; chuyên ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục; Nơi cấp bằng TS: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm ...; ngành: Không

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Giáo dục.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu về phương pháp, biện pháp và kỹ thuật dạy học ở tiểu học, bao gồm các bài báo: [I.1], [I.2], [I.3], [I.4], [I.5], [I.6], [I.7], [II.8], [12], [II.13], [II.14], [16], [II.35], [II.37].

(2) Nghiên cứu về năng lực của giáo viên, năng lực dạy học phát triển năng lực học sinh của giáo viên ở trường tiểu học, bao gồm các bài báo: [II.9], [II.10], [II.11], [II.15], [II.17], [II.18], [II.19], [II.20], [II.21], [II.22], [II.23], [II.24], [II.25], [II.26], [II.27], [II.28], [II.29], [II.30], [II.31], [II.32], [II.33], [II.34], [II.36], [II.38], [II.39].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **0** nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

- Đã hướng dẫn **09** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn.

- Đã hoàn thành **03** đề tài NCKH cấp cơ sở trở lên: trong đó có **01** đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; **02** đề tài nghiên cứu khoa học cấp đại học (trương đương cấp Bộ).

- Đã công bố **39** bài báo khoa học, trong đó có **05** bài báo trong danh mục Scopus (**04** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín); **09** bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có mã số ISSN và Doi; **25** bài báo đăng tạp chí trong nước.

- Đã được cấp **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: **09** (02 giáo trình, 07 sách tham khảo).

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0**

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2020 - 2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đối chiếu tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi nhận thấy mình đã đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định. Có phẩm chất chính trị tốt, luôn có ý thức phấn đấu bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, nhiều nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc. Liên tục nhiều năm đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được nhận giấy khen của Hiệu trưởng và bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 04 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	-	-	01	03	263,0	48	311,0/487,44/229,5
2	2020-2021	-	-	01	02	334,0	48	382,0/493,96/229,5
3	2021-2022	-	-	02	02	281,0	48	329,0/482,78/229,5
03 năm học cuối								
4	2022-2023	-	-	02	03	278,0	48	326,0/488,28/229,5
5	2023-2024	-	-	02	02	261,4	72	333,4/490,70/229,5
6	2024-2025	-	-	01	02	328,6	51	379,60/475,94/229,5

(*) Năm học 2019 – 2020 thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo trong Đại học Thái Nguyên (Ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ – ĐHTN ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên).

Năm học 2020 – 2021 thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trong Đại học Thái Nguyên (Ban hành kèm theo Quyết định số 2599/QĐ – ĐHTN ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên).

Từ năm học 2021 – 2022 đến nay thực hiện theo Quy định làm việc của nhà giáo trong Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (Ban hành kèm theo Quyết định số 4130/QĐ – ĐHSP ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên).

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:..... Không; Từ năm đến năm.....: Không

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước:năm....:

Không

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; Số hiệu: 0007822; năm cấp: 2011.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Giảng dạy học phần “Dạy học khoa học bằng tiếng Anh”

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Giáo dục Tiểu học – Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Không

3.2. Tiếng Anh: Bằng tốt nghiệp đại học, ngành: Tiếng Anh (Văn bằng hai).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Aoythong Hounmaneethern		x	x		2018-2019	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2019 – đợt 3 (QĐ số 4466/QĐ-ĐHSP ngày 26/08/2019)

2	Đào Hương Giang		x	x	2019-2020	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2020 đợt 3 (QĐ số 293/QĐ-ĐHSP ngày 25/01/2021)
3	Phạm Thị Thuý Nga		x	x	2020-2021	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2022 đợt 1 (QĐ số 536/QĐ-ĐHSP ngày 15/03/2022)
4	Nguyễn Thị Minh Thái		x	x	2020-2021	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2022 đợt 1 (QĐ số 536/QĐ-ĐHSP ngày 15/03/2022)
5	Nguyễn Thị Ngọc		x	x	2022-2023	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ khóa 28 năm 2023 (QĐ số 2466/QĐ-ĐHSP ngày 11/8/2023)
6	Nguyễn Thị Suong		x	x	2022-2023	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ khóa 28 năm 2023 (QĐ số 2466/QĐ-ĐHSP ngày 11/8/2023)

7	Nguyễn Đức Nguyễn		x	x	2023-2024	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Quyết định công nhận tốt nghệ nghiệp và cấp bằng thạc sĩ khóa 28 và khóa 29 đợt 2 năm 2024 (QĐ số 1627/QĐ-ĐHSP ngày 20/6/2024)
8	Phạm Thị Giang		x	x	2023-2024	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Quyết định công nhận tốt nghệ nghiệp và cấp bằng thạc sĩ khóa 28 và khóa 29 đợt 2 năm 2024 (QĐ số 1627/QĐ-ĐHSP ngày 20/6/2024)
9	Trần Thị Hoài Thu		x	x	2023-2024	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	Quyết định công nhận tốt nghệ nghiệp và cấp bằng thạc sĩ khóa 29 và khóa 30 đợt 1 năm 2025 (QĐ số 329/QĐ-ĐHSP ngày 24/01/2025)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
0							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 1 ISBN: 978-604-0- 23180-2	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2020	7		36-46	Là tài liệu tham khảo cho học phần “Giáo dục môi trường cho học

							sinh tiểu học” kèm theo Quyết định số 2162 ^a /QĐ- ĐHSP ngày 06 tháng 9 năm 2022
2	Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 2. ISBN: 978-604-0- 23181-9	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2020	7		38-45	Là tài liệu tham khảo cho học phần “Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học” kèm theo Quyết định số 2162 ^a /QĐ- ĐHSP ngày 06 tháng 9 năm 2022
3	Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 3 ISBN: 978-604-0- 23182-6	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2020	7		39-48	Là tài liệu tham khảo cho học phần “Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học” kèm theo Quyết định số 2162 ^a /QĐ- ĐHSP ngày 06 tháng 9 năm 2022
4	Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 4 ISBN: 978-604-0- 23183-3	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2020	7		38-47	Là tài liệu tham khảo cho học phần “Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học” kèm theo Quyết định số 2162 ^a /QĐ- ĐHSP ngày 06 tháng 9 năm 2022

5	Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 5. ISBN: 978-604-0-23184-0	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2020	7		43-52	Là tài liệu tham khảo cho học phần “Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học” kèm theo Quyết định số 2162 ^a /QĐ-ĐHSP ngày 06 tháng 9 năm 2022
6	Thực hành Tự nhiên và Xã hội 1. ISBN: 978-604-55-7274-0	TK	NXB Hà Nội, 2020	1	x*	Biên soạn toàn bộ nội dung	Là tài liệu tham khảo cho học phần “Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội” kèm theo Quyết định số 2162 ^a /QĐ-ĐHSP ngày 06 tháng 9 năm 2022
7	Thực hành Tự nhiên và Xã hội 2. ISBN: 978-604-54-8469-2	TK	NXB Đại học Sư phạm, 2021	1	x*	Biên soạn toàn bộ nội dung	Là tài liệu tham khảo cho học phần “Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội” kèm theo Quyết định số 2162 ^a /QĐ-ĐHSP ngày 06 tháng 9 năm 2022
8	Giáo trình Phát triển chương trình giáo dục tiểu học. ISBN: 978-604-350-300-5	GT	NXB Đại học Thái Nguyên, 2023	2	x*	01-100	Là tài liệu học tập của học phần “Phát triển chương trình giáo dục tiểu học”, Quyết định số 273/QĐ-ĐHSP ngày 26/01/2024

9	Giáo trình Cơ sở Tự nhiên – Xã hội 2. NXB Đại học Thái Nguyên. ISBN: 978-604-350-262-6	GT	NXB Đại học Thái Nguyên, 2023	2	115-186	Là tài liệu học tập của học phần “Cơ sở Tự nhiên – Xã hội 2”, Quyết định số 271/QĐ-ĐHSP ngày 26/01/2024
---	--	----	-------------------------------	---	---------	---

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu Xếp loại KQ
I	Trước khi bảo vệ học vị TS				
1	Vận dụng phương pháp mô phỏng trong quá trình dạy học ở trường tiểu học khu vực miền núi phía Bắc	CN	ĐH2013-TN04-14, cấp Đại học Thái Nguyên	2013 - 2015	27/12/2016 Xếp loại: Đạt
II	Sau khi bảo vệ học vị TS				
2	Phát triển năng lực dạy học STEM cho giáo viên tiểu học khu vực miền núi phía Bắc	Thành viên nghiên cứu chính	ĐH2022- TN04-06, cấp Đại học Thái Nguyên (tương đương cấp Bộ)	2022 - 2024	19/6/2024, xếp loại: Đạt
3	Phát triển năng lực chuyên đổi số cho giáo viên tiểu học khu vực miền núi phía Bắc	CN	ĐH2023-TN04-01, cấp Đại học Thái Nguyên (tương đương cấp Bộ)	2023 - 2025	19/6/2024, xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký;

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Tác giả chính: x, tác giả liên hệ: x*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1.	Phương pháp dạy học theo hợp đồng nhằm tích cực hóa hoạt động nhận thức của HS qua môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.	1	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 21896 0866 7476			Số đặc biệt, tr. 104 - 105	9/2011
2.	Tiếp cận dạy học theo hợp đồng khi dạy bài Nguyên nhân làm nước ô nhiễm, Khoa học 4.	1	x	Tạp chí Dạy và học ngày nay/ ISSN: 1859-2694			Số tháng 10, tr. 39-40,45	10/2011
3.	Đôi nét về dạy học theo phong cách học tập.	1	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 21896 0866 7476			Số 324, kì 2, tr. 29-31	12/2013
4.	Lợi ích của sự hiểu biết về phong cách học tập.	1	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 21896 0866 7476			Số 333, kì 1, tr. 32-34	5/2014
5.	Sử dụng mô phỏng trong dạy học - biện pháp đáp ứng PCHT của HS.	1	x	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859 - 0810			Số 108, tr. 59-60	8/2014
6.	Dạy học phân hóa dựa vào PCHT của HS.	1	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 2354-0753			Số 347, tr. 35-37	12/2014

7.	Dạy học ở tiểu học dựa vào phong cách học tập của học sinh theo mô hình VARK.	1	x	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 131, tr. 83-84, 99	7/2016
II	Sau khi được công nhận TS							
8.	Thiết kế dạy học chủ đề “Cổ đô Huế” trong môn Lịch sử và Địa lí 4 theo hướng dạy học tích hợp.	1	x	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 155, kì II, tr. 74-75, 98	10/2017
9.	Xây dựng chủ đề STEM ở trường tiểu học.	1	x	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 169, kì II, tr. 26-28	5/2018
10.	Một số biện pháp đánh giá kết quả học tập ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực.	1	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 2354-0753			Số đặc biệt, tr. 107-111, 126	9/2018
11.	Xây dựng bài tập môn Thế giới xung quanh lớp 4, lớp 5 của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào theo định hướng phát triển năng lực.	2	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 192, kì 1, tr. 141-144	5/2019
12.	Xây dựng kế hoạch chủ đề “Bảo vệ nguồn nước” chương trình môn Khoa học 4 theo phương pháp dự án.	2	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 218, kì 1, tr. 68-79	6/2020

13.	Thiết kế chủ đề trải nghiệm “Sự sinh sản của thực vật có hoa” trong dạy học môn Khoa học lớp 5.	2	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 224 kì 1, tr. 37-39	9/2020
14.	Phát triển kỹ năng quan sát cho học sinh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.	2	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 225 kì 2, tr. 166-168	9/2020
15.	Xây dựng kế hoạch bài dạy nội dung lịch sử và địa lí địa phương trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.	3	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Tập 1, số 242, tr. 54-56	5/2021
16.	Vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học lịch sử cho học sinh lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.	2		Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 2354-0753			Số đặc biệt, tr. 38-42	9/2021
17.	Quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy môn Lịch sử và Địa lý ở tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.	3	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 251, kì 2, tr. 53-55	10/2021
18.	Các yếu tố ảnh hưởng tới việc xây dựng kế hoạch bài dạy dựa vào chương trình giáo dục phổ thông 2018 của giáo viên tiểu học miền núi phía Bắc.	3	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số đặc biệt, kì 1, tr. 22-24	2/2022

19.	Primary Teachers' Readiness of Teaching STEM - A Study at The North Mountainous in Vietnam.	6		International Journal of Education and Social Science Research/ ISSN: 2581 – 5148			Vol. 5, Issue 3, p. 190-202	5-6/2022
20.	Determinants of problem-solving skills in natural and social subjects of primary school students in Vietnam.	2	x*	International Journal of Social Science And Human Research/ ISSN: 2644-0695		1	Vol. 5, Issue 7, p. 3218-3224	7/2022
21.	Factors affecting online teaching of primary school teachers in the northern mountainous region of Vietnam.	3	x*	Journal of Education and Social Science Research (IJESSR)/ ISSN: 2581-5148		7	Vol. 5, Issue 3, p. 36-51	7-8/2022
22.	Các nhân tố ảnh hưởng đến sử dụng nền tảng zoom trong dạy học trực tuyến của giáo viên tiểu học.	2	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 270, tr. 105-108	8/2022
23.	Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi chơi game của học sinh tiểu học khi học trực tuyến.	2	x*	Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 2354-0753		1	Tập 22, Số 18, kì 2, tr. 42-47	9/2022
24.	Các nhân tố ảnh hưởng tới thái độ học tập môn Lịch sử và Địa lí của học sinh tiểu học.	2	x*	Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 2354-0753		1	Tập 22, số 24, tr. 8-12	12/2022

25.	The Effect of Structural Equation Modeling on Chatbot Usage: An Investigation of Dialogflow.	2		International Journal of Applied Information Technology/ E-ISSN: 2581-1223		1	Vol. 06, p. 38-49	2/2023
26.	Affecting Factors in the Curriculum development Capacity of Primary School Teachers in the Northern Mountainous Area of Vietnam.	5	x*	International Journal of Social Science And Human Research/ ISSN (online): 2644-0695			Vol. 06 Issue 03, p. 1670-1675	3/2023
27.	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi số trường tiểu học: Nghiên cứu tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.	1	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 2354-0753		3	Tập 23, số 7, tr. 47-52	4/2023
28.	Factors Influencing the Teaching of Critical Thinking to Primary School Students by Primary School Teachers in the Mountainous Region of Northern Vietnam.	3	x*	International Journal of Social Science And Human Research/ ISSN (online): 2644-0695			Vol. 06, Issue 04. p. 2282-2287	4/2023
29.	An Empirical Analysis of Predictors of AI-Powered Design Tool Adoption.	2	x*	Technology, Education, Management, Informatics Journal (TEM Journal)/ ISSN: 2217-8309	Scopus/ Q3	11	Vol. 12, Issue 3, p. 1482-1489	8/2023

30.	Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực chuyển đổi số của giáo viên tiểu học tỉnh An Giang.	2		Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 2354-0753		1	Tập 23, số 16, tr. 46-51	8/2023
31.	Các nhân tố ảnh hưởng tới năng lực dạy học STEM của giáo viên tiểu học - Trường hợp nghiên cứu ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên/ ISSN: 1859-2171			Tập 229, số 04, tr. 255-263	11/2023
32.	Exploring the role of artificial intelligence-powered facilitator in enhancing digital competencies of primary school teachers.	1	x	European Journal of Educational Research/ ISSN: 2165-8714	Scopus/ Q2	13	Vol.1 3, Issue 1, p. 219-231	01/2024
33.	A Systematic Review of Research on Gender Diversity in STEM Education.			International Journal of Learning, Teaching and Educational Research/ E-ISSN 1694-2116	Scopus/ Q3	4	Vol. 23, No. 4, p. 217-233	4/2024
34.	Elements affecting primary school teachers' digital competency in Vietnam's northern mountainous areas.	5	x	Journal of Education and E-Learning Research/ ISSN: 2410-9991	Scopus/ Q2	4	Vol. 11, Issue 2, p. 292-301	4/2024
35.	Using AI to design picture to support teaching Nature and Social subject in elementary school.	4	x*	International Journal of Education and Social Science Research/ ISSN: 2165-8714			Vol.0 7, issue 02, p. 219-225	3-4/ 2024

36.	Lesson plan design process develops STEM design thinking through Science grade 4.	1	x	International Journal of Social Science And Human Research/ ISSN (online): 2644-0695			Vol.7, Issue 4, p. 2497-2501	4/2024
37.	Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.	1	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN: 2354-0753			Số đặc biệt, tr. 95-100	5/2024
38.	Understanding the Factors that Influence Digital Readiness in Education: A UTAUT Study among Digital Training Learners.	4		IPTEK The Journal for Technology and Science/ ISSN: 2088-2033		2	Vol.3 4, issue 2, p. 141-150	8/2024
39.	How teachers' AI readiness affects AI integration: insights from modeling analysis	2	x*	International Journal of Evaluation and Research in Education (IJERE)/ ISSN: 2252-8822	Scopus/ Q3		Vol. 14, No. 2, p. 1496-1505	4/2025

Trong đó: **04** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ sau khi được cấp bằng TS (thứ tự trong bảng kê khai là: [29], [32], [34], [39]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Giáo dục tiểu học áp dụng từ khoá 55 của Trường Đại học Sư phạm	Thành viên	QĐ 421/QĐ-ĐHSP ngày 28/02/2020	Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên	QĐ 4199/QĐ-ĐHSP ngày 26/11/2020 Quyết định ban hành Bộ chương trình đào tạo, trình độ đại học của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	

2	Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy chuyên ngành Giáo dục tiểu học năm 2022 của Trường Đại học Sư phạm	Thành viên	QĐ 837/QĐ-ĐHSP ngày 14/04/2022	Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên	QĐ 2108/QĐ-ĐHSP ngày 30/08/2022 Quyết định ban hành Bộ chương trình đào tạo chi tiết, trình độ đại học của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
---	--	------------	--------------------------------	------------------------------	--

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: Không

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: Không

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH
Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hồng Chuyên